

Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu và một tuyệt bút tiêu biểu: "Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc"

Lê-Thụy-Chi

Sơ lược về Nguyễn Đình Chiểu, một trong những danh nhân văn hóa lớn nhất của miền nam Việt Nam thời hậu bán thế kỷ thứ 19

1. Sanh quán: Cụ Nguyễn Đình Chiểu (NĐC) được sanh ra tại làng Tân Thới, Tân Bình, Gia Định.

2. Chánh quán: gốc gác của thân phụ NĐC là Cụ Ông Nguyễn Đình Huy, một nho quan triều Nguyễn, người xã Bồ Điền, Phong Điền, Thừa Thiên (Huế).

Cụ ông Nguyễn Đình Huy đi theo tả quân Lê văn Duyệt vào nam lúc tả quân được Vua đặc cử vào làm tổng trấn Gia Định (lần thứ hai) và Nguyễn Đình Chiểu được sanh ra ở Gia Định vào ngày 1 tháng 7 năm 1822.

3. Năm 1832, sau khi Đức Tả Quân mất thì có loạn Lê văn Khôi từ 5/7/1833 đến 8/9/35 (1).

Vì loạn tạo phản của Khôi mà Cụ Huy phải bỏ Gia Định trốn về Huế, nhưng vẫn bị triều đình cách hết chức quyền. Vì nhớ thương, Cụ Huy lại lên trở vào Gia Định

tìm con rồi đem ra Huế gửi cho một người bạn đang làm quan thái phó để nhờ tiếp tục dạy học.

Và Nguyễn Đình Chiểu đã ở Huế 7 năm, đến năm 18 tuổi (1840) mới trở về lại Gia Định tiếp tục việc học và đỗ tú tài ở trường thi Gia Định năm 1843.

4. Năm 1847, NĐC lại khăn gói trở ra Huế học chờ khóa thi năm 1849, nhưng cuối năm 1848 thì thân mẫu mất ở Gia Định nên NĐC phải bỏ thi để về chịu tang. Trên đường về, vì quá thương khóc mẹ và vì quá vất vả cũng như chịu thời tiết quá khắc nghiệt nên NĐC bị bệnh nặng đến mù cả mắt khi mới đến Quảng Nam. Dù bị mù mắt nhưng Cụ học thêm được nghề thuốc Đông y với một thầy thuốc chữa trị bệnh cho Cụ trong thời gian này.(2)

5. NĐC chịu tang mẹ tròn 3 năm, sau đó mới mở trường dạy học và làm thầy thuốc đông y (3) ở Gia Định và bắt đầu mạnh mẽ sự nghiệp sáng tác văn chương lừng lẫy để đời cho hậu thế.

6. Năm 1854, NĐC lấy vợ người Cần Giuộc tên là Lê Thị Điền (1835-1886, thọ 51 tuổi).

7. Năm 1859, thực dân Pháp đánh cướp Gia Định nên NĐC đưa gia đình về sống ở quê vợ.

8. Năm 1862, sau khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, NĐC lại đưa gia đình từ Cần Giuộc về sống ở Ba Tri (Bến Tre) cho đến hết đời của vị danh nhân văn hóa này.

(Đó là lý do đền thờ chính của NĐC và phần mộ của hai Ông Bà đều ở Ba Tri).

9. Trong suốt thời gian 26 năm NĐC sống ở Ba Tri cho đến ngày mất (1888 - thọ 66 tuổi), thực dân Pháp ngày mỗi điên cuồng quyết tâm xâm chiếm, đặt nền đô hộ,... để bành trướng thế lực của giống người Châu Âu xâm lăng trên khắp thế giới để khai thác thuộc địa. Người Việt Nam yêu nước bất khuất, mọi tầng lớp từ sĩ phu đến nông dân khắp nước tự động nổi lên, hưởng ứng hịch cần vương (sau này-giai đoạn từ 1885-1896), quyết tâm kháng Pháp,...

Có hai sự kiện lịch sử lớn xảy ra ở Nam Kỳ như sau:

- 1864: đức lãnh binh Trương Định bị trúng thương vì quân Pháp, nhưng Người đã can trường tuấn tiết ở Gò Công để khỏi bị giặc bắt.

- 1867: đức Kinh lược sứ Phan Thanh Giản vì đã không giữ nổi thành nên Người đã anh hùng tuấn tiết ở Vĩnh Long.

10. Cụ NĐC và vợ là bà Lê thị Điền có 6 người con, 3 trai, 3 gái.

Nữ Sĩ Sương Nguyệt Ánh là con gái thứ 4 của hai người. (4)

11. Nói về công trình văn học của Cụ Đồ Chiểu thì người Việt Nam mấy ai mà không biết hai bộ truyện thơ Lục Vân Tiên và Ngư Tiều Vấn Đáp của Cụ, Riêng về thơ, đặc biệt là những bài văn tế của Cụ, thì cho đến nay, chắc là người ta vẫn chưa

thể sưu tầm đầy đủ được vì thơ văn của Cụ quá nhiều mà Cụ lại bị mù. Thật là đáng tiếc.

12. Cụ Nguyễn Đình Chiểu trong cảnh mù lòa (5) mà đã mở trường dạy học, làm nghề thuốc cứu người giúp đời và trước tác được một kho tàng văn học đồ sộ cho nền văn hiến Việt Nam thì thật là khó mà tưởng tượng được, đúng là một

hiện tượng hy hữu chưa từng có vậy. Chỉ còn niềm tin rằng chỉ hồn thiêng của giống nòi mới đủ sức tạo nên một đấng anh hoa kỳ tài đến như thế.

Cũng thiết nghĩ thêm rằng ngày nay với đầy đủ tài liệu và phương tiện "mạng lưới" truy cứu, những "người sáng mắt" như chúng ta có ai được như Cụ. Điều này chứng tỏ rằng Cụ đúng là một thiên tài, tài học uyên bác, trí nhớ siêu đẳng, thuật ngữ thâm thúy,... và với một tinh thần yêu nước thương dân cùng ý chí bất khuất chống giặc xâm lăng, Cụ dù mù lòa mà đã để lại cho đời đời hậu thế một di sản văn hóa vô cùng trân quý. Hai năm sau ngày hiên thê mất, Cụ ngày càng nhớ thương vợ, bệnh tình ngày càng nặng và cùng với nỗi uất hận đau buồn vì nước mất nhà tan, Cụ cũng đã thất lạc vào ngày 3 tháng 7 năm 1888 tại Ba Tri - Bến Tre, hưởng thọ 66 tuổi.

12. Kèm theo Bài "Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc" dưới đây là một tiêu biểu cho những tuyệt bút của Cụ.

Bài "Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc"

Nguyễn Đình Chiểu

Hỡi ơi !
Súng giặc đất rền,
Lòng dân trời tỏ.
Mười năm công vỡ ruộng,
Xưa ắt còn danh nổi như phao,
Một trận nghĩa đánh Tây,
Thân tuy mất tiếng vang như mõ.
Nhớ linh xưa
Côi cút làm ăn,
Riêng lo nghèo khổ,
Chưa quen cung ngựa đưa tới trường nhung
Chỉ biết ruộng trâu ở theo làng hộ;
Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy,
tay vốn làm quen;
Tập khiên, tập mác, tập giáo, tập cờ,
mất chưa từng ngó.
Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng,

Trông tin quan như nắng hạn trông mưa.
Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm,
Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.
Đêm thấy bông bong che trắng lớp,
những muốn ăn gan;
Ngày xem ống khói chạy đen xì,
toan ra cắn cỏ.
Một mối xa thư đồ sộ,
há để ai chém rắn đuôi hươ;
Hai vàng nhật nguyệt chói lòa,
đâu dung lũ treo dê bán chó.
Nào đợi ai đòi ai bắt,
phen này xin ra sức đoạn kinh.
Chẳng thềm trốn ngược trốn xuôi,
chuyến này dốc ra tay bộ hổ.
Khá thương thay
Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ,
theo giòng ở lính diễn binh;
Chẳng qua là dân ấp, dân làng,
mến nghĩa làm quân chiêu mộ
Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn;
Chín chục trận binh thư, không chờ bài bố.
Ngoài cật có một manh áo vải,
nào đợi mang bao tấu, bao ngòi,
Trong tay dùng một ngọn tầm vông,
chi nài sắm dao tu, nón gõ.
Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi,
cũng đốt xong nhà dạy đạo kia;
Gươm đeo dùng một ngọn dao phay,
cũng chém đặng đầu quan hai nọ
Chi nhọc quan Quân gióng trống kỳ trống giục,
đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không.
Mặc kệ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to,

xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém dọc,
làm cho mả tà, mả ái hồn kinh.

Bọn hè trước, lũ ó sau,
trôi kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

Những lăm lòng nghĩa sau dùng
đâu biết xác phàm vùi bỏ.

Một chắc sa trường rằng chữ hạnh,
nào hay da ngựa bọc thây;

Trăm năm âm phủ ấy chữ quy,
xá đọa gươm hùm treo mộ.

Đoái sông Cần Giuộc,

cỏ cây mấy dặm sầu giăng;

Chẳng phải án cướp, án gian đầy tới,
mà vi binh đánh giặc cho cam tâm.

Vốn không giữ thành, giữ lũy bỏ đi,
mà hiệu lực theo quân cho đáng số.

Nhưng nghĩ rằng:

tắc đặc ngọn rau ơn chúa,

tài bồi cho nước nhà ta

bát cơm manh áo ở đời,

mắc mớ chi ông cha nó ?

Vì ai khiến quan quân khó nhọc,

ăn tuyết nằm sương ?

Vì ai xui hào lũy tan hoang,

xiêu mưa ngà gió ?

Sống làm chi theo quân tả đạo,

quảng vừa hương, xô bàn độc

nghĩ lại thêm buồn;

Sống làm chi ở lính mả tà,

chia rượu ngọt, gặm bánh mì,

nghe càng thêm hổ.

Thà thác mà đặng câu dịch khái,

về sau tổ phụ cũng vinh,
Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây,
ở với man di rất khổ.

Ôi thôi thôi

Chùa Lão Ngô năm canh ung đóng lạnh,
Tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm;
Đồn Tây Dương một khắc đặng rửa hờn,
Tủi phận bạc trôi theo dòng nước đỏ.
Đau đớn mấy, mẹ già ngồi khóc trẻ,
Ngọn đèn khuya leo lét trong lều,
Nãi nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng,
Con bóng xế vật vờ trước ngõ.

Ôi !

Một trận khói tan,
Nghìn năm tiết rõ.

Binh tướng nó hày đóng sông Bến Nghé,
còn làm cho bốn phía mây đen.
Ông cha ta còn ở đất Đồng Nai,
ai cứu đặng một phùng con đỏ.
Thác mà trả nước non rồi nợ,
Danh thơm đồn sáu tỉnh cũng đều khen;
Thác mà ung đèn miếu để thờ,
Tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ
Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc,
Linh hồn theo giúp cơ binh
Muôn kiếp nguyện được trả thù kia
Sống thờ vua, thác cũng thờ vua,
Lời dụ dạy đã rành rành
Một chữ ám đủ đèn công đó.
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo,
Thương vì hai chữ thiên dân.

Cây nhang nghĩa khí thấp nên thơm,
Cám bởi một câu vương thổ.
Hỡi ơi !
Có linh xin hương.

Ghi chú:(xin cố tóm tắt những chi tiết chính vì khuôn khổ của "trang báo net").

(1)- Loạn Lê Văn Khôi: Khôi nguyên là họ Nguyễn, người gốc Cao Bằng nhưng được Lê Văn Duyệt nhận làm con nuôi từ Thanh Hóa từ năm 1819 nên mới đổi thành họ Lê.

Xin mở một đầu ngoặc để ghi thêm về cuộc đời của đức Tổng Trấn Chương Tả Quân Quận Công Lê Văn Duyệt (1763 - 1832) vì mỗi... giây mơ rê má là có Đức Tả Quân mới có Lê Văn Khôi. Tả Quân được bổ nhậm vào Gia Định thì Cụ Nguyễn Đình Huy mới theo phò tá rồi mới kết hôn với một người miền nam mà sinh ra bậc danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Lê Văn Duyệt:

- sinh trưởng trong 1 gia đình nông dân nghèo ở vùng Cái Bè, tỉnh Định Tường cũ.
- năm 1781, Chúa Nguyễn Phúc Ánh lúc bị quân Tây Sơn truy bắt đã trốn ẩn náu tại nhà của thân sinh ông Duyệt ở vùng Vàm Trà Lọt (Cái Bè). Vì cảm cái ân cứu mạng này mà chúa đã hoan hỷ thu dụng ông Duyệt, lúc đó đã 17 tuổi làm thái giám, lãnh nhiệm vụ lúc ban đầu là bảo vệ cung quyến của Chúa.

- Ông Duyệt bẩm sinh "ái nam-ái nữ" chớ không phải là tự hoạn để làm thái giám.

- Ông rất trung thành và tận tụy theo phò Chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Ông Duyệt lại đặc biệt có tài đàm lược quân sự, dụng binh lập được nhiều chiến công hiển hách nên Chúa ngày càng tin yêu và không ngần ngại thăng cấp quan tước cho Ông để Ông hiển nhiên trở thành 1 trong những khai quốc công thần của Triều Nguyễn, giữ chức Tả Quân, được Vua Gia Long sau này cho miễn việc bái lạy khi vào triều kiến (nhập triều bất bái).

- Đến thời Vua Minh Mạng: Minh Mạng là vị Vua uy quyền nhất của lịch sử vương triều nhà Nguyễn nhưng Tả quân Duyệt vẫn thường xung đột với nhà Vua và Vua cũng cố làm lơ đi vì công khai quốc công thần và quyền hành rất lớn của Ông tại triều. Một vài chi tiết có thể kể ra như sau:

. Ông Duyệt không ủng hộ việc Vua Minh Mạng lên nối ngôi mà lại ủng hộ con của Hoàng Tử Cảnh là Hoàng tôn Đán thuộc "dòng trưởng". Việc này Ông Duyệt và Hữu quân Nguyễn Văn Thành đã từng tâu lên khi Vua Gia Long cho vời vào để hỏi ý kiến về quyết định ngôi trừ vị (tức người thừa kế) vì Vua bấy giờ cũng đã già. Ý kiến lập dòng trưởng của hai võ thần nói trên rõ ràng là không đúng với thâm ý của Vua vì Vua rất tin tưởng vào Hoàng Tử Đám hơn bất cứ một hoàng tử nào khác hoặc đích tôn là Hoàng Tôn Đán. Bằng chứng hiển nhiên nhất là Hoàng Tử Đám (con của 1 thứ phi) đã được Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu nhận làm con nuôi để nuôi dưỡng và dạy dỗ theo phong cách của một Đông Cung.

Hai vị võ thần này cũng không thấy một vài thâm ý khác của Vua. Có thể Vua đã rất đau buồn vì lúc Hoàng Tử Cảnh mới 3 tuổi thì Vua đã phải gửi theo giáo sĩ thừa sai Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) để làm con tin mong cầu viện Pháp. Trong thời gian còn quá ư là thơ ấu và lại được dạy dỗ, "uốn nắn" như là một chủng sinh của đạo Thiên Chúa nên "mới lên 6 tuổi mà (ông hoàng nhỏ) đã biết đọc kinh và hết lòng mộ đạo và rất mến tôi chớ không nhớ gì đến cha mẹ hay các bà nhũ mẫu" (trích thư của Bá Đa Lộc). Ngoài ra Bá Đa Lộc cũng không ngần ngại tiết lộ thêm công sức "uốn nắn" cho Hoàng Tử Cảnh là vì tin chắc rằng Hoàng Tử sẽ là

người kế vị. Và điều này nếu xảy ra thì các thế lực của giáo sĩ thừa sai (vừa việc đạo và cả việc đời) và nước "đại Pháp" không tốn lấy một viên đạn nào cả mà lại đạt được mục đích tối hậu của họ một cách hiển nhiên, nhanh chóng. Sách sử cũng có ghi chép rằng khi Hoàng Tử Cảnh về nước (9 tuổi) thì "ông hoàng nhỏ" lại không chịu vào bái yết Tôn Miêu, thờ cúng tổ tiên nên đức Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu và các vị phụ đạo (thầy dạy) phải dạy dỗ lại sau mới đổi(?), nhưng Hoàng Tử Cảnh thì trong lòng vẫn riêng rất là mô đạo (vì đã cải đạo theo Thiên Chúa giáo từ những ngày trẻ thơ theo Bá Đa Lộc) cho đến chết vì bị bệnh đậu mùa lúc mới 21 tuổi. (Hoàng Tử Cảnh: 1780 - 1801).

Trong buổi họp nói trên của Vua Gia Long để hỏi ý kiến các cận thần về việc chọn người thừa kế, duy chỉ có quan văn thần Trịnh Hoài Đức là tâu với Vua rằng "hiều con không ai hơn cha. Đền nhà ai nấy sáng. Xin bệ hạ cao minh tự định đoạt lấy."

. Ông Duyệt có ý khâm phục người Pháp vì họ có "tàu sắt, súng đồng,..," và Ông Duyệt cũng có ý ủng hộ các nhà thừa sai truyền giáo, trong lúc Vua

Gia Long thì từ trong thâm tâm đã rất nghi ngờ "những người khác nòi giống đã đến giúp... là vì mục đích riêng của họ" mà thôi. "Vua Gia Long thừa sáng suốt để thấy những nguy cơ rình rập, đủ khôn ngoan để nắm vững chủ quyền chứ không "nhẹ dạ" như Hoàng Tử Cảnh". Vua từng căn dặn các quan là cũng nên cư xử tử tế, "ngoại giao" với "Tây" vì không thể một sớm một chiều mà "rủ bỏ món nợ ân tình" với họ được.

. Ông Duyệt với tâm thế bài đặc miễn "nhập triều bất bái" mà Vua Gia Long đã ban cho nên có thể cũng đã lăm lăm lạm quyền hoặc làm sai ý triều đình. Với "bản chất nóng nảy, nói năng cộc lốc, không biết chiều ý Vua (Minh Mạng)" nên ta có thể chắc chắn rằng Vua cũng đã bực mình và các quan đồng triều không thể không có người để tâm hiềm khích, ganh tỵ để có dịp thuận tiện thì sẽ "nổ bùng" mà thôi...

. Đức Tổng Trấn Chương Tả Quân Quận Công Lê Văn Duyệt, 1763 - 1832, thọ 69 tuổi.

Trở lại với loạn Lê Văn Khôi: Sau khi Đức Tả Quân mất, Vua Minh Mạng cho bãi bỏ chế độ tổng trấn Gia Định Thành mà đổi Trấn thành ra 6 tỉnh -(Nam Kỳ Lục Tỉnh)- là Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên và đặt các chức Tổng Đốc, Tuần Phủ, v.v... như đã tái tổ chức các Tỉnh ở Bắc Thành (miền bắc).

Đây chính là lúc "nổ bùng" như đã nói ở trên do quan Bạch Xuân Nguyên khi đến làm Bộ Chính ở Phiên An (Tỉnh Gia Định) thì nói rằng phụng mật chỉ truy xét việc riêng của Lê Văn Duyệt, đòi hỏi mọi chứng cứ rồi trị tội những tội tở và người nhà của Ông Duyệt. Lê Văn Khôi trốn ngục ra được và vì quá bị áp bức đến đường cùng mới khởi binh chống lại triều đình, chiếm thành Gia Định rồi chiếm cả nam kỳ lục tỉnh.

Loạn Lê Văn Khôi kéo dài trên 2 năm (từ ngày 5/7/1833 đến 8/9/1835) triều đình mới bình định được, kể cả việc quân triều đình đã phải đánh tan quân Xiêm do giáo sĩ phương tây mà Khôi nhờ qua Xiêm cầu viện.

(2)-(3): về việc Cụ bị "mù"- Trên đường về nam chịu tang mẹ, Cụ đã bị bệnh nặng khi đến Quảng Nam và nhờ một vị thầy thuốc Đông Y thuộc dòng dõi ngự y thương tình đem về nhà điều trị. Nhân cơ hội này Cụ đã nhanh chóng học thêm được nghề Đông Y để sau này khám bệnh, hốt thuốc giúp đời cứu người.

Về sự mù lòa của Cụ thì không thấy tài liệu nào ghi rõ tình trạng Cụ bị mù mắt như thế nào? Theo chỗ dò hỏi của riêng người viết với một Bác Sĩ Nhân Khoa thì vị BS này giải thích rằng có chỗ khác nhau về MÙ và LÒA: (xin ghi lại để gọi là FYI mà thôi, chớ không dám xác quyết).

- MÙ 100% cả hai mắt? (total blindness): không còn thấy gì.

- MÙ chỉ một mắt thì mắt còn lại vẫn còn hoạt động thêm một thời gian nữa, nhưng thị lực ngày sẽ mỗi kém đi.

- LÒA thì có thể có nghĩa là MỜ MẮT (bệnh lòa), hai mắt lòa thì thị lực có thể khác nhau, nhưng bệnh nhân vẫn có thể nhìn thấy rất mờ mờ, có thể phân biệt hình dáng, sáng tối,...(some remaining vision).

Vậy Cụ Đồ của chúng ta đã bị mù lòa như thế nào? Người viết những dòng tưởng nhớ này lòng vẫn tự hỏi lòng: phải chi Cụ "SÁNG" thì có thể non sông Đại Việt sẽ khá khác ra sao và nền văn hiến sẽ có thêm được bao nhiêu là kiệt tác nữa của Cụ.

(4)- Nữ Sĩ Sương Nguyệt Ánh (1/2/1864 - 20/1/1921) là con gái thứ tư của Cụ, nhưng theo phong tục miền nam thì thứ của bà là thứ năm, nghĩa là con đầu lòng ở trong Nam là thứ hai -(ví dụ: Cô Hai Ninh Kiều ở Cần Thơ)- trong lúc con đầu lòng ở miền Trung và Bắc gọi là cả -(ví dụ: Cậu Cả Ngự Viên ở Huế).

Bà sinh tại Ba tri, có tên là Nguyễn Thị Khuê, Nguyễn Ngọc Khuê,..., Nguyễn Xuân Hạnh nên đồng bào địa phương gọi là Bà Năm Hạnh. Bà rất tài sắc, lầu thông cả chữ nho lẫn chữ nôm. Năm bà 24 tuổi thì Cụ Đồ mất và kể từ đó bà ngày mỗi nổi tiếng trong giới văn chương, đồng thời gánh chịu một cuộc sống đầy sóng gió của kiếp hồng nhan đa truân.

Để tránh sự trả thù vì không chịu kết hôn với tên tri phủ địa phương, bà phải lánh nạn qua Mỹ Tho rồi kết hôn với một phó tổng sở tại ở Rạch Miễu là ông Nguyễn Công Tính sinh được một gái là Nguyễn Thị Vinh. Năm con gái bà hai tuổi thì chồng bà mất. Và kể từ đó bà thủ tiết nuôi con thờ chồng, bà thêm vào một chữ "SƯƠNG" trước bút hiệu "NGUYỆT ÁNH" của bà thành "SƯƠNG NGUYỆT ÁNH" -(Sương có nghĩa là góa chồng).

Năm 1917 bà được mời làm chủ bút của tờ báo "Nữ Giới Chung"-(tiếng chuông của nữ giới). Bà chính là người phụ nữ đầu tiên giữ chức chủ bút trong làng báo Việt Nam. Bởi vậy ở Bến Tre mới có câu ca da

"Đem chuông lên đánh Sài Gòn
Để cho nữ giới biết con Cụ Đồ."

Bà mất lúc mới 58 tuổi. Phần mộ của bà sau này được cải táng, nằm cạnh mộ song thân bà trong khu đền thờ của Cụ Đồ ở Ba Tri.

(5)- Xem ghi chú (2) và (3).

(6)- Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc là một kiệt tác trong kho tàng văn tế cổ của dân tộc.

Bài văn tế này viết bằng chữ Nôm -(thời đó chưa có chữ quốc ngữ)- gồm 30 liên tức 60 vế đối biền ngẫu theo thể phú Đường luật nhằm vinh danh, bùi ngùi tưởng niệm,

ghi ơn sự hy sinh của nghĩa dân Cần Giuộc đã anh dũng chiến đấu,
tấn công đồn giặc Pháp ở Cần Giuộc (Long An).

Trận đánh đã diễn ra đúng vào đêm rằm tháng 12 Âm lịch (1861)

và có đến 27 nghĩa dân đã anh dũng hy sinh. Nghĩa dân chính là những nông dân địa phương

chỉ quen cày sâu cuốc bẫm, đổ mồ hôi đổi lấy bát cơm,... nhưng đã anh dũng đứng lên
thề quyết tâm diệt giặc thực dân Pháp để cứu dân, cứu nước.

Họ đã đầu trần chân đất, trong tay chỉ có "*một ngọn tầm vông*", "*một lưỡi dao phay*",...
trong lúc giặc cướp nước thì có "*tàu thiết, tàu đông*", "*súng to, súng nhỏ*",...

Chính nghĩa dân Cần Giuộc đã viết lên được thêm một thiên anh hùng ca bi tráng cho hậu thế

đời đời noi gương oanh liệt vậy.

Ngay sau khi được truyền tụng đến Kinh đô Huế, Vua Tự Đức -Vua nổi tiếng "hay chữ" nhất

của Triều Nguyễn- đã ban lệnh phổ biến rộng rãi khắp nước bài văn tế này của Cụ Đồ.

Bài văn tế tuyệt bút này còn có một giá trị khác là đã đánh dấu đây là lần đầu tiên trong lịch sử

của nền văn hiến Việt Nam, người nông dân Nam Bộ và những anh hùng dân giả khác của thời đại đã được ghi nhận vào sách sử vì đã can trường chiến đấu và oanh liệt hy sinh cho một đại nghĩa

thực sự là chống giặc Pháp xâm lăng cướp nước. Trang Việt Nam nghĩa liệt sử này cùng với bao nhiêu gương sáng của tiền nhân anh hùng dũng liệt sẽ còn được mãi mãi truyền tụng đến muôn đời sau.

Mấy dòng phụ chú ghi thêm của người viết:

Những điều viết vội trên đây là cũng nhờ tìm tòi, tra cứu sách sử để học hỏi thêm những tích xưa chuyện cũ khả tín của nhiều tác giả. nhiều bậc trí thức uyên thâm truyền lại.. Và như thế, xin hiểu rằng người viết chỉ là kẻ khiêm nhường thuật chuyện, "thuật nhi bất tác", không cố tình bày vẽ thêm thắt chi nhiều ý kiến cá nhân trong những điều thuật lại trên đây, đặc biệt là những điều liên quan tới vương triều Nhà Nguyễn. trong giai đoạn lịch sử đó và những chuyện về danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

Lê-Thụy-Chi



Tượng Cụ Nguyễn Đình Chiểu



Đền thờ cụ Nguyễn Đình Chiểu tại BaTri

www.vietnamvanhien.net